

**BẢNG TIN (THAM KHẢO) THỊ TRƯỜNG SẮN NGÀY 27/07/2026**

| <b>STT</b> | <b>Nội dung</b>                                                                       | <b>Giá ngày 27/07/2026</b>                         | <b>Thay đổi so với tuần trước (+/-)</b> |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>GIÁ SẮN NGUYÊN LIỆU</b>                                                            |                                                    |                                         |
| <b>1</b>   | <b><i>Giá mua theo trữ lượng bột 30%</i></b>                                          |                                                    |                                         |
| -          | Tây Ninh (Mỹ nội địa và Mỹ Campuchia)                                                 | 143,3 – 156,6 đ/độ bột                             | 0 đ/độ bột                              |
| -          | Đắk Lắk (Phú Yên)                                                                     | -                                                  | -                                       |
| -          | Quảng Ngãi (Kon Tum)                                                                  | -                                                  | -                                       |
| -          | Gia Lai (Bình Định)                                                                   | -                                                  | -                                       |
| -          | Miền Trung                                                                            | -                                                  | -                                       |
| -          | Miền Bắc                                                                              | -                                                  | -                                       |
| <b>2</b>   | <b><i>Giá mua xô</i></b>                                                              |                                                    |                                         |
| -          | Miền Trung                                                                            | -                                                  | -                                       |
| -          | Miền Bắc                                                                              | -                                                  | -                                       |
| <b>II</b>  | <b>GIÁ ĐÀU RA</b>                                                                     |                                                    |                                         |
| <b>1</b>   | <b><i>Tinh bột sản XUẤT KHẨU:</i></b>                                                 |                                                    |                                         |
| -          | FOB Hồ Chí Minh (chi phí Logistic tới cảng TQ từ khoảng 10 – 20 USD/tấn, tùy khu vực) | 610 – 630 USD/tấn                                  | 0 USD/tấn                               |
| -          | DAF Lạng Sơn (Nhập khẩu chính ngạch vào TQ)                                           | 3.950 – 4.050 CNY/tấn                              | 0 CNY/tấn                               |
| -          | DAF Móng Cái                                                                          | -                                                  | -                                       |
| -          | FOB Bangkok, Thái Lan (WEBSITE)                                                       | 700 USD/tấn                                        | 0 USD/tấn                               |
| <b>2</b>   | <b><i>Sắn lát XUẤT KHẨU:</i></b>                                                      |                                                    |                                         |
| -          | FOB Quy Nhơn/Hồ Chí Minh                                                              | 320 USD/tấn (Hàn Quốc)<br>265 USD/tấn (Trung Quốc) | 0 USD/tấn                               |